

CHƯƠNG XIII SỰ TIẾN HÓA CỦA TÂM THỨC

Chỉ cần ta hiểu được Tâm thức thật sự là gì thì ta ắt tìm ra manh mối cho mọi vấn đề về tiến hóa. Đó là vì tâm thức là biểu hiện cao siêu nhất của sự Hằng Hữu Nhất Như vốn vừa là lực vừa là vật chất, vừa là hình tướng vừa là sự sống.

HỒI AMITAYA! Đừng dùng lời lẽ để đo lường điều Vô lượng,
Đừng nhúng sợi dây tư tưởng vào cái Khôn dò.
Kẻ hỏi cũng sai mà người đáp cũng sai nốt.
Đừng nói gì hết! ^[1]

Thế nhưng ta *phải* thắc mắc về kết cấu trong bản chất của ta và ta chỉ thấy mãn nguyện trên đời này khi ta đã thấy mình tìm ra được lời giải đáp cho những thắc mắc ấy. Lời giải đáp ngày hôm qua có thể không thỏa mãn cho ta ngày nay; nhưng hôm nay ta có thể hài lòng nếu ta chưa tìm ra một lời giải đáp nào đó cho hiện tại, mặc dù ngày mai có thể ta lại vứt bỏ nó. Việc lĩnh hội bằng cái trí về phương thức tiến hóa của tâm thức chỉ giúp ta ngộ ra được phần nào sự kiện tâm thức là gì. Tuy nhiên việc hiểu được tâm thức tiến hóa ra sao là khoa học tối thượng.

Điều mầu nhiệm lớn lao trước hết về tâm thức là tổng thể vốn ở nơi bộ phận, toàn thể vốn ở nơi đơn vị. Đó là vì mặc dù tâm thức trong một electron chỉ giống như một đầu kim của tâm thức, thế nhưng cái đơn vị nhỏ xíu ấy lại gắn liền với tổng thể rộng lớn tâm thức vốn là THƯỢNG ĐẾ. Toàn thể THƯỢNG ĐẾ vốn ở nơi đó, mặc dù do chúng ta bị hạn chế, ta chỉ có thể phát hiện được NGÀI tới mức cấu tạo nên một electron. Cũng giống như khi các tia nắng hằng hà sa số bị khúc tán được một thấu kính hội tụ lại nơi một điểm thì tất cả năng lượng của các tia đều ở nơi điểm ấy; cũng vậy, mọi loại hình tâm thức làm linh hoạt mọi hình tướng cũng đều như thế. Mọi sự khai thị khả hữu về tâm thức đều có nơi mỗi đơn vị được làm linh hoạt cho dù nó lớn hay nhỏ. Nhà sinh học theo phái Mendel ắt đã phát biểu một sự thật huyền bí khi bảo rằng “Shakespeare đã từng tồn tại dưới dạng một đốm nguyên sinh chất không lớn hơn đầu kim nhỏ xíu” ^[2]. Khi ta đặt một thấu kính trước một quang cảnh rộng lớn trải dài ra nhiều dặm thì thấu kính này sẽ đưa mọi tia của quang cảnh ấy hội tụ vào một tiêu điểm duy nhất. Thế là toàn thể phong cảnh hiện hữu nơi điểm ấy mặc dù ta không thấy một hình ảnh nào. Chỉ khi ta rời khỏi tiêu điểm thì hết hình ảnh này tới hình ảnh kia mới xuất hiện trên một màn ảnh được bố trí để phản chiếu các tia, mỗi hình ảnh đều có kích thước biến thiên theo khoảng cách tới điểm mà ta đặt màn ảnh. Kích thước của hình ảnh tùy theo khoảng cách và việc ta có thể nhìn thấy những chi tiết trong ảnh lại tùy theo kích thước. Hình ảnh đều ở đó, nơi có điểm ấy; chỉ khi ta rời xa điểm ấy thì hình ảnh mới từ hư không bước ra tiến về phía ta. Đây là sự minh họa rất hay ho về sự tiến hóa của tâm thức.

Sự tiến hóa của tâm thức cũng giống như vén lên một cái màn che ánh sáng, tác dụng của việc vén màn lên không thêm vào một chút ánh sáng nào. Ánh sáng chẳng được thêm cái gì mà nó chỉ muốn xua tan Bóng tối. Chừng nào bản thân ta còn chưa

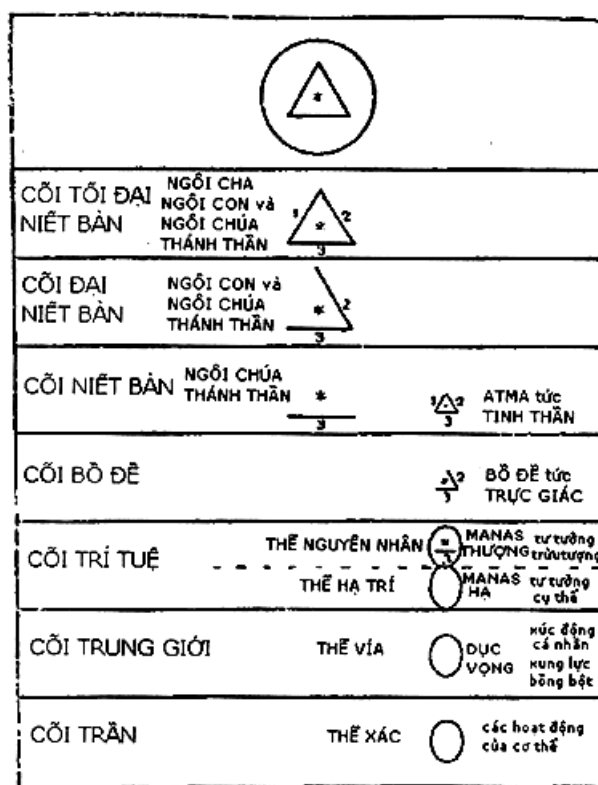
^[1] *Ánh đạo Phương Đông*, Quyển VIII.

^[2] Bateson, bài Thuyết trình của Chủ tịch trong Hiệp hội Anh quốc, năm 1914.

cố ý đồng nhất hóa mình với Ánh sáng thì ta ắt không ngộ ra được tại sao Nó lại muốn như vậy. Tác dụng của nó vừa là sự hi sinh mà cũng vừa là một niềm vui; hi sinh là do phải chịu đựng sự hạn chế, vui là do được ban ra. Tham dự vào sự Hi sinh và Niềm vui ấy chính là đạt được Thiên tính.

Sự tiến hóa của tâm thức nơi con người chính là ở chỗ ban ra. Nguyên lý tăng trưởng đối với các giới động vật và thực vật là cạnh tranh, ganh đua và tự tư tự lợi; nguyên lý tăng trưởng của con người là hợp tác, từ bỏ và xả thân. THƯỢNG ĐẾ đòi đời hi sinh BẢN THÂN trên thập tự giá sự sống và vật chất; chỉ khi con người bắt chước NGÀI thì y mới tăng trưởng tiến lên giống như NGÀI. Đây là nguyên lý vĩ đại mà ta cần phải nhớ. Tâm thức nơi con người bộc lộ những khả năng ẩn tàng từ trình độ này sang trình độ khác, nhưng nếu không có sự xả thân thì không thể chuyển từ giai đoạn này sang giai đoạn khác. Con người phải chết đi với mỗi tàn tích của thú tính nơi mình, mặc dù điều ấy phải mất hàng trăm kiếp. Khi sự xả thân đã trở thành bản năng nơi con người sau nhiều kiếp sinh tử luân hồi thì y mới biết rằng hi sinh chính là niềm vui, niềm vui duy nhất mà ta có thể quan niệm được.

Trước khi tâm thức có thể tiến hóa theo chiều đi lên thì thoát tiên nó phải tiến hóa theo chiều đi xuống. Trong sơ đồ kế tiếp, Hình 115, ta đã phác họa quá trình tiến hóa đi xuống này.



Hình 115

Trong sơ đồ có bảy phân khu theo chiều ngang tạo ra bảy cõi lớn trong Thái dương hệ; trên cùng là biểu tượng của THƯỢNG ĐẾ Vô hiện trước khi bắt đầu các quá trình sáng tạo. Bên trong vòng tròn (vòng tròn biểu diễn Đấng Tuyệt Đối) có một

hình tam giác. Đây là Tam Vị Nhất Thể của THƯỢNG ĐẾ. Bên trong tam giác ấy có một Ngôi sao, nó biểu diễn Chơn thân của con người.

Trong bước đầu tiên tiến hóa về phía vật chất, THƯỢNG ĐẾ giáng xuống cõi Tội đại Niết bàn (Ādi), ở đó có ba ngôi lớn là Shiva, Vishnu và Brahma tức Ngôi Cha, Ngôi Con và Ngôi Thánh thần đều hoạt động hoàn chỉnh. Khi THƯỢNG ĐẾ giáng xuống cõi kế tiếp là cõi Đại Niết bàn (Anupādaka) thì Ngài phải chịu sự hạn chế, vì ở đó Ngôi Một của Ngài chỉ tiềm tàng, chỉ có các Ngôi Hai và Ngôi Ba là được biểu hiện hoàn chỉnh. Điều này được biểu diễn trong sơ đồ qua việc bỏ bớt đi cạnh của tam giác tượng trưng cho THƯỢNG ĐẾ Ngôi Một. Trong giai đoạn giáng xuống kế tiếp, THƯỢNG ĐẾ còn chịu sự hạn chế thêm nữa và chỉ có THƯỢNG ĐẾ Ngôi Ba mới biểu lộ trọn vẹn trên cõi Niết bàn, hai Ngôi Thượng Đế Một và Hai không thể biểu lộ thuộc tính của mình trên cõi ấy. Tam giác chỉ còn lại một cạnh.

Có lẽ một số người thấy khó hiểu làm thế nào mà một vị THƯỢNG ĐẾ toàn năng lại chịu sự hạn chế khi Ngài giáng xuống từ hết cõi này tới cõi khác. Nếu ta xét một ví dụ theo kiến thức về các quan hệ trong không gian thì ta có thể lĩnh hội được ý niệm này. Tất cả chúng ta đều biết một hình khối vuông là gì; nó có ba chiều đo: chiều dài, chiều rộng và chiều cao. Đối với bất cứ ai có thể đi vòng quanh một hình khối vuông, nhìn từ trên xuống thượng diện của nó, rồi lại nhấc nó lên nhìn từ dưới tới hạ diện của nó thì một hình khối vuông là một vật rắn chắc có sáu mặt vuông cùng với 12 cạnh bên. Nhưng giả sử ta đặt mình vào tâm thức của một con vi trùng ở trên một tờ giấy, con vi trùng này không thể nhấc bổng mình lên khỏi bề mặt tờ giấy. Thế thì khi ta đặt khối vuông lên tờ giấy, con vi trùng mon men tới khối vuông, đi vòng quanh khối vuông ở nơi tiếp xúc với tờ giấy thì nó chỉ nhìn thấy hoặc cảm thấy bốn cạnh bằng nhau mà nó không xuyên thấu qua được. Bằng óc tưởng tượng cao tốt, nó cũng chỉ có thể quan niệm ra được một hình vuông, nghĩa là một hình phẳng giới hạn bởi bốn cạnh bằng nhau, nhưng vì con vi trùng không thể nhấc mình ra khỏi mặt phẳng của tờ giấy cho nên hình khối vuông chẳng bao giờ khai thị cho con vi trùng thấy mình là một khối vuông, một hình khối có ba chiều đo. Hình khối vuông có thể biểu hiện sáu mặt liên tiếp trước mắt con vi trùng, nhưng lần nào con vi trùng cũng bảo rằng đây chỉ là “một hình vuông” thôi.

Cũng vậy, khi bất cứ vật nào có ba chiều đo mà phải biểu hiện cho một tâm thức chỉ biết được hai chiều đo thì vật ấy phải chịu sự hạn chế. Sự hạn chế ở đây không phải do sự hạn chế của vật đó mà có liên quan tới khả năng vật ấy thể hiện ra trong thế giới hai chiều đo. Cũng giống như vậy, THƯỢNG ĐẾ phải chịu sự hạn chế khi Ngài giáng xuống từ cõi này xuống cõi kia. Xét về Bản chất thì Ngài bao giờ cũng như vậy, nhưng khi Ngài hoạt động trên những cõi mà mình tạo ra thì Ngài phải chịu sự hạn chế từ cõi này sang cõi kia tùy theo tính vật chất của cõi ấy.

Trong mọi thời kỳ mà THƯỢNG ĐẾ giáng xuống ba cõi cao nhất thì Chơn thân con người ngự bên trong Ngài. Sự kiện này được trình bày tượng trưng trong sơ đồ bằng một ngôi sao nhỏ xíu bên trong tam giác. Chưa có một lúc nào mà mỗi người trong chúng ta trên cương vị Chơn thân lại không sống, vận động, hằng hữu bên trong Ngài. Mặc dù thoát tiên ta chẳng biết gì về Ngài, mặc dù ngay cả khi biết Ngài, ta vẫn có thể đi ngược lại Ý chí của Ngài trong một thời gian, thế nhưng trong mọi giai đoạn mà ta trải qua, từ khoáng vật tới thực vật, từ thực vật tới động vật và nhân loại thì ta

chưa từng bao giờ tách rời khỏi Ngài. Câu kinh cổ trong *Giáo Lý Bí Truyền* (H.P. Blavatsky) có nói về điều ấy như sau:

Tia Lửa treo lủng lẳng từ Ngọn Lửa bằng một sợi Fohat mảnh mai nhất. Nó du hành qua bảy cõi Hào huyền. Nó dừng lại ở cõi thứ Nhất và trở thành Kim loại, Đất đá; nó chuyển sang cõi thứ Hai và coi kìa đó là một loài Cây; Cây này quay cuồng trải qua bảy sự biến đổi rồi trở thành một con Thú Linh thiêng. Manu tức Chủ thể Suy tư được hình thành từ những thuộc tính phối hợp của những thứ nêu trên.

Và Điểm Linh Quang bao giờ cũng treo lủng lẳng từ Ngọn Lửa. Ý thức về cá tính trên cương vị là hành giả bắt đầu nơi Chơn thần khi trên cõi Niết bàn nó thấy mình là một bộ ba Atma, Buddhi và Manas, tách rời khỏi Ngọn Lửa dưới dạng một Đóm Lửa, thể nhưng vẫn rút tia từ Ngọn Lửa mọi thuộc tính ánh sáng và lửa của mình. Chơn thần ba ngôi trên cõi Niết bàn là một THƯỢNG ĐẾ vì mô xét về mọi mặt là hình ảnh của Hóa công. Trong sơ đồ Chơn thần được biểu diễn bằng tam giác nhỏ.

Cũng giống THƯỢNG ĐẾ phải trải qua một quá trình tiến hóa xuống vật chất, đến lượt Chơn thần cũng vậy. Cả ba khía cạnh của Chơn thần đều bộc lộ trên cõi chân thực của mình là cõi Niết bàn. Khi Chơn thần giáng xuống cõi Bồ đề nó phải chịu một sự hạn chế và khía cạnh của nó là Atma bị che khuất đi, chỉ có Buddhi và Manas là biểu lộ ra thôi. Vậy là một cạnh của tam giác trở nên vô hiện và ẩn tàng. Tương tự như vậy, khi nó giáng xuống một cõi thấp hơn nữa tức cõi trí tuệ, thì nó phải chịu sự hạn chế thêm nữa; và trong thể nguyên nhân mà nó hình thành nơi ấy chỉ có khía cạnh Manas là xuất hiện, hai khía cạnh kia ẩn tàng đối với cõi thượng trí. Giờ đây chỉ có một cạnh của tam giác là cạnh đáy có thể biểu lộ được.

Lại một lần nữa, quá trình tiến hóa xuống vật chất bắt đầu khi giờ đây Chơn ngã đang sinh hoạt trong thể nguyên nhân. Khi Chơn ngã giáng xuống nhập thể, nó phải chịu hạn chế từ cõi này sang cõi khác, khi nó lần lượt tạo ra thể trí, thể vía và thể xác.

Sự tiến hóa của tâm thức là quá trình phóng thích những năng lượng ẩn tàng, trước hết là của Chơn ngã, rồi tới Chơn thần và cuối cùng tới THƯỢNG ĐẾ, các năng lượng này biểu hiện qua các hiện thể trên mọi cõi. Phương thức phóng thích tâm thức của Chơn ngã qua tiến trình rèn luyện các hạ thể đã được bàn ở Chương VI (Con người lúc sống và khi chết), trong đó ta mô tả quá trình này nhờ vào Hình 53. Sau khi Chơn ngã đã kiểm soát được các hạ thể của mình theo yêu cầu thì giai đoạn kế tiếp trong khi bành trướng tâm thức xảy ra khi Chơn ngã gia nhập Quân Tiên Hội. Lúc bấy giờ vào cuộc Điểm đạo thứ Nhất, Chơn ngã được dạy cho cách hoạt động với trọn cả tâm thức trên cõi thấp nhất của cõi Bồ đề. Lúc bấy giờ lần đầu tiên Chơn ngã bắt đầu biết được do thực chứng chứ không phải do tín ngưỡng, tính đơn nhất của mọi chúng sinh và làm thế nào mà số phận của mình lại liên kết không thể tách rời khỏi số phận của hằng hà sa số linh hồn cùng với mình hợp thành Nhân loại. Không đâu, còn hơn thế nữa, Chơn ngã ngộ ra được rằng đó là một bộ phận của mình và mọi sự phân chia nhân ngã, cái “của tôi” và cái “của bạn” – vốn đặc trưng cho sự tồn tại trên các cõi dưới Bồ đề - đều là hão huyền. Giờ đây ở giai đoạn thăng lên trên cõi Bồ đề, Chơn ngã đã thực chứng và đưa vào biểu lộ hai cạnh trong tam giác của mình.

Vào các cuộc Điểm đạo thứ Nhì, thứ Ba và thứ Tư, những sự bành trướng tâm thức nữa khiến cho Chơn ngã làm chủ được các cạnh còn lại của cõi Bồ đề mãi cho tới

cuộc Điểm đạo thứ Năm, Chơn sư, thì tâm thức của ngài hoạt động liên tục trên cõi Niết bàn. Tam giác Chơn thần giờ đây đã hoàn chỉnh và kẻ “Hành hương Đồi đồi” bây giờ đã trở về nhà, “hân hoan mang theo bó lúa”.

Ngài là đấng mà Chư thiên đang ngồi ghé dưới phải ganh tị;
Ngài là đấng khi Tam giới sụp đổ cũng không bị suy suyền;
Mọi sinh linh đều sống vì ngài, mọi sự chết đều đã qua đi;
Nghiệp quả không còn gây ra điều gì nữa.

Những ngôi nhà mới. Vì không mưu cầu điều gì cho nên ngài được hết mọi thứ.
Vũ trụ đã làm tăng trưởng “bản ngã” trước kia để cho có được Chơn ngã,
Nếu có ai dạy NIẾT BÀN là tịch diệt,
Thì bảo rằng họ nói dối.

Nếu có ai dạy rằng NIẾT BÀN là mặc sức mà sống, thì
Cũng bảo rằng họ đã lầm lạc; vì không biết được điều này,
Cho nên ánh sáng không chiếu rọi vượt quá được cái đèn đã bể của họ,
Họ đâu có biết được cái không sống, không có thời gian và cực lạc.^[1]

Ở trình độ Chơn sư, Chơn thần biết theo thực chứng, cái điều màu nhiệm hơn hết thảy đó là: mặc dù mình là một Điểm Linh Quang, mình vẫn là Ngọn Lửa. Từ nay trở đi, ngài là Đấng Ki Tô, Đấng được “Xức dầu”, được đội vương miện mà với tư cách trên cương vị Con của Thiên Chúa, Ngài đã phải “phấn đấu” mới thành tựu được.

Từ nay trở đi Tam giác Chơn thần tiếp xúc trực tiếp với Tam giác THƯỢNG ĐẾ, mặc dù chỉ với một đường trên đó thôi, tức là với cạnh đáy, đó là “Ngôi Chúa Thánh Thần”. Vì thế cho nên truyền thống của Ki Tô giáo cho ta biết rằng có hai phép rửa tội; một phép bằng nước và một phép bằng lửa. Thánh John Tẩy giả có thể rửa tội theo phép thứ nhất tức là rửa tội bằng nước, nhưng chỉ Đấng Ki Tô mới có thể rửa tội theo phép thứ nhì, rửa tội bằng lửa, nhờ Ngôi Chúa Thánh Thần: “Ta quả thật đã rửa tội cho con bằng nước để cho con sám hối; nhưng đáng sau này mới giáng lâm có nhiều quyền lực hơn tai, ta không đáng xách dép cho ngài; ngài sẽ rửa tội cho con nhờ Ngôi Chúa Thánh Thần và rửa tội bằng lửa”.

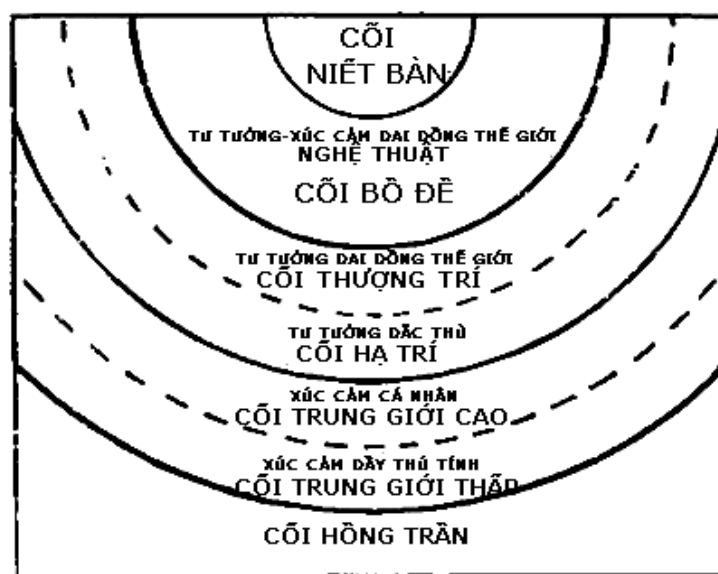
Chỉ khi Chơn thần đã được rửa tội “bằng lửa nhờ Ngôi Chúa Thánh Thần” thì nó mới có thể đắc thắng tuyên cáo tận hiến: “Cũng giống như Cha đã biết ta, thì thậm chí ta cũng biết được Cha như vậy . . . Ta là phục sinh và sự hằng sống. Kẻ nào tin vào ta mặc dù đã bỏ xác rồi, thế vẫn sống đời đời; bất cứ ai đang sống mà tin vào ta thì sẽ chẳng bao giờ chết . . . Ta và Cha trên trời đã hiệp nhất”.

Kẻ Hành hương Đồi đồi còn leo lên tới những đỉnh cao hơn nữa mà hiện nay ta không thể quan niệm được; trên cõi Đại Niết bàn, ngài hiệp nhất Buddhi của mình với Buddhi của Tam giác lớn và cuối cùng trên cõi Tối Đại Niết bàn, ngài hiệp nhất Ātmā

^[1] *Ánh Đạo Phương Đông*, quyển VIII

của mình với Ātmā vĩnh hằng của chúng sinh vốn hằng hữu, trong quá khứ và mãi mãi trong tương lai, đó chính là THƯỢNG ĐẾ của Thái dương hệ ta.

Ta có thể nghiên cứu việc con người thăng lên tới Thiên tính theo nhiều quan điểm và trong sơ đồ kế tiếp, Hình 116, ta có trình bày một quan điểm ấy. Ý tưởng căn bản trong sơ đồ này là cũng giống như cái loại tác động vào tâm thức vốn ngoại lai; cũng vậy tâm thức ấy phát hiện ra thế giới ở bên ngoài mình. Việc đáp ứng với những tác động trên cõi trần, cõi trung giới hoặc cõi trí tuệ giúp cho ta biết được thế giới. Sự mở rộng tâm thức của cá nhân vốn tùy theo loại đáp ứng ấy.



Hình 116

Một viên đá chủ yếu chỉ đáp ứng với những tác động của nhiệt, nóng, lạnh và áp lực; vì thế cho nên nó chỉ biết có cõi trần. Một cái cây đáp ứng với những rung động yêu và ghét của cõi trung giới; vì thế cho nên nó có bản năng thích ứng với môi trường xung quanh; nó biết cả cõi trần lẫn cõi trung giới, mặc dù nó biết cõi trung giới một cách lơ mờ. Con thú đáp ứng với những rung động của cõi hạ trí và do đó nó suy nghĩ cũng như cảm nhận; vì vậy nó biết cả cõi trần, cõi trung giới lẫn cõi hạ trí, mặc dù nó chỉ biết cõi hạ trí một cách mơ hồ. Nhưng con người có thể chịu ảnh hưởng của cõi thượng trí, điều này có nghĩa là tầm nhìn vũ trụ của y xuất phát từ cõi ấy.

Con người phát động thể giới hạ cấp của cõi trung giới qua những xúc cảm đầy thú tính như giận dữ, tham lam, ganh tị và ghen tuông. Khi thể vía của con người thanh bai hơn thì y có thể có lòng luyến ái, sùng tín và đồng cảm, mặc dù chúng có thể thấm đượm nhu cầu cá nhân của y, lúc ấy y khám phá ra thể giới xúc cảm cao cấp của cõi trung giới. Cũng giống như vậy, những tư tưởng rời rạc không mạch lạc của chúng ta liên quan tới các sự vật nói chung giúp ta có thể tiếp xúc với cõi hạ trí bao gồm những tư tưởng đặc thù. Chỉ khi ta có thể bố trí ý niệm của mình thành ra những phạm trù tư tưởng và xúc cảm rồi phát hiện được những qui luật của chúng thì ta mới đạt được tầm nhìn của cõi thượng trí. Suy tư bằng thể nguyên nhân là vượt lên trên những

tư tưởng đặc thù, là đạt tới những tư tưởng đại đồng liên quan tới tôn giáo, triết học, khoa học và nghệ thuật vốn đặc trưng cho một tâm trí đầy triết lý.

Vượt ngoài tầm thuộc tính cao nhất của tư tưởng thuần túy, con người còn có một quan năng khác tức là công cụ để nhận biết mà vì thiếu một thuật ngữ hay ho hơn cho nên Thông Thiên Học gọi là Bồ đề, tạm mượn thuật ngữ triết học Ấn Độ. Cách đặc trưng của nó là biết được sự vật không phải là do khảo sát từ bên ngoài mà do chủ thể tri thức đã đồng nhất hóa với nó. Bồ đề là một phương thức của tâm thức vốn không phải là tư tưởng thuần túy, chẳng phải là xúc cảm thuần túy mà cũng chẳng phải là cả hai phối hợp lại một cách đơn giản; thế nhưng nó vừa là cả hai, lại vừa là một loại *tự tại*-tư duy-xúc cảm khôn tả. Ta chỉ có thể nói rằng khi Bồ đề ảnh hưởng tới cõi thượng trí thì cái trí linh hội được những khái niệm đại đồng; và khi lực của Bồ đề được phản chiếu lên bản chất thanh khiết của cõi trung giới thì kết quả là sự đồng cảm âu yếm nhất. Bồ đề là Trực giác Thiên liêng chắc chắn hơn kiến thức bởi vì nó không chỉ xét đoán theo quá khứ và hiện tại mà còn xét đoán theo tương lai, thông cảm chính xác hơn cả những xúc động sâu sắc nhất, bởi vì năng tri tức chủ thể tri thức tùy ý trở thành sở tri tức đối tượng tri thức. Triết học Ấn Độ gọi nó là *ārsha-buddhi*, tức Bồ đề của các bậc Thánh triết chứ không phải của phàm nhân.

Nếu ngôn ngữ trần gian không diễn tả nổi Bồ đề nghĩa là gì thì làm sao ta có thể mô tả được cái quan năng của Chơn thần vốn biểu hiện trên cõi Niết bàn? Chỉ cần nói rằng cũng giống như Bồ đề, khác hẳn và màu nhiệm hơn tư tưởng thuần túy và xúc động thuần túy bao nhiêu, thì cũng vậy khía cạnh Ātmā của linh hồn cũng màu nhiệm hơn Bồ đề bấy nhiêu.

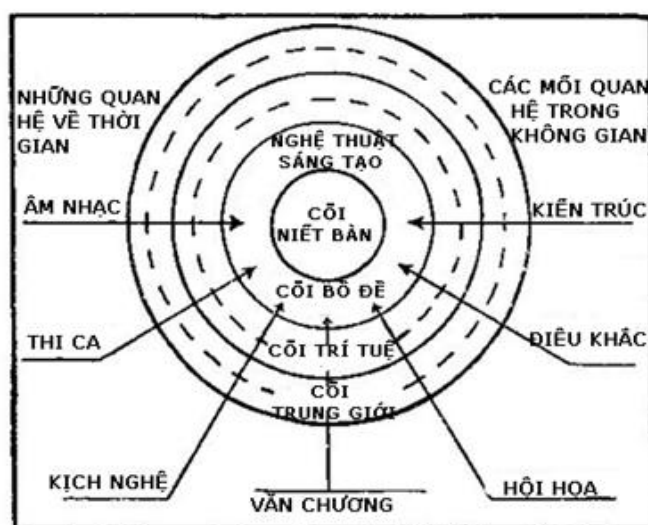
Sự tăng trưởng văn hóa của loài người ắt chưa được hoàn chỉnh chừng nào mọi người còn chưa hoạt động trên cõi Niết bàn. Cho đến nay, thành tựu cao nhất của loài người là nhờ vào những nỗ lực của một số thiên tài, người ta đã tiếp xúc với cõi Bồ đề thông qua Nghệ thuật. Tuy nhiên ta đừng quên rằng “nghệ thuật” không chỉ là hội họa, điêu khắc, âm nhạc v.v. . . Nghệ thuật cũng biểu lộ qua lòng Sùng tín, qua Tình thương, qua Triết lý, bất cứ khi nào những thứ ấy tiếp xúc được với cõi Bồ đề. Nhưng dường như chỉ mới hôm qua đây, nhân loại mới khám phá ra nghệ thuật và đã có tồn tại một địa hạt tự tại nơi con người có thể định hình ra những đối tượng mỹ lệ vốn mãi mãi là niềm vui, và không phải chỉ sáng tạo một ngày mà sáng tạo đời đời.

Khi tâm trí của một thiên tài cho dù trong lãnh vực tôn giáo hay nghệ thuật, trong triết học hay khoa học đã đột phá xâm nhập vào cõi Bồ đề thì điều mà y sáng tạo ra đều bao hàm cốt tủy của nghệ thuật. Nếu vai trò là nhà khoa học, y bàn tới những sự kiện trong thiên nhiên thì y quan niệm và trình bày chúng mang tính nghệ thuật đến nỗi khoa học của y chói rạng trực giác. Nếu với vai trò là một triết gia, y sáng tạo ra một triết hệ thì y suy gẫm một cách trù mên về cả điều vi mô lẫn điều vĩ mô và bao hàm chúng trong một vẻ đẹp đơn nhất. Những khái niệm luân lý của các bậc Đại Đạo sư đều khai thị nghệ thuật thuần túy nhất, bởi vì huấn lệnh của ngài có tầm ứng dụng phổ biến cho mọi vấn đề của con người, trẻ mãi không già với sự tươi mát và mỹ lệ xuyên suốt mọi thời đại.

Bất cứ biểu hiện nào của nghệ thuật đều bao hàm trong đó một số đặc trưng của tất cả các nghệ thuật khác; một bức tranh là một bài giảng, và một bản hợp tấu là một triết lý. Khi Bồ đề đưa ra thông điệp của mình thì tôn giáo cũng chính là khoa học, và nghệ thuật chính là triết học và cả bốn đều là tình thương. Chỉ trên cõi hạ trí bao gồm

những tư tưởng đặc thù thì nhất bốn mới tán vạn thù và lúc bấy giờ kẻ nào không cảm nhận được nhất bốn ấy xuyên qua một biểu hiện đặc thù ắt thấy những chi tiết đặc thù là mâu thuẫn với nhau. Khi quan năng Bồ đề đã thức tỉnh thì con người trên cương vị là tư tưởng gia, là người nhân ái, là hành giả ắt thành tựu được một tính đơn nhất trong bản thân mà mình không thể bộc lộ trọn vẹn được ngoại trừ trên cõi Bồ đề.

Người ta đã dạy cho loài người dùng chính không gian và thời gian để đạt tới CÁI ĐỒ, vốn tồn tại bên ngoài không gian và thời gian. Cho đến nay công cụ nhận biết cao siêu nhất của ta chính là nghệ thuật sáng tạo. Một trong những vấn đề của triết học là đủ thứ khía cạnh khác nhau của nghệ thuật sáng tạo liên quan với nhau ra sao; trong sơ đồ Hình 117 có gợi ý một phương thức tương quan của chúng.



Hình 117

Trong văn chương thuộc loại cao nhất, ta có cả một sự “vẽ nên lời” xuất sắc và một việc kịch nghệ hóa thi vị các biến cố và ý niệm. Nghệ thuật phát triển xuất phát từ văn chương tùy theo việc nó sử dụng các giá trị theo thời gian hoặc giá trị theo không gian. Xét về mặt thời gian thì văn chương đưa tới kịch nghệ, và kịch nghệ đưa tới thi ca, và thi ca đưa tới âm nhạc qua âm nhạc cốt lõi của mình. Xét về mặt không gian thì thuật vẽ nên lời của văn chương có liên quan tới hội họa, hội họa vốn sử dụng hai chiều đo, khi vươn lên tới biểu lộ ba chiều đo sẽ đưa tới điêu khắc và điêu khắc đến mức có những quan niệm trừu tượng tuyệt vời về nhịp điệu và mỹ lệ ắt dẫn tới kiến trúc. Cũng không có gì khó hiểu khi kịch nghệ vốn tường thuật những diễn biến theo thời gian ắt có liên quan với hội họa vốn miêu tả những diễn biến trong không gian. Điêu khắc cũng giống như thi ca âm, còn điêu khắc mô tả hết hình ảnh này tới hình ảnh khác theo óc tưởng tượng của thi ca. Việc Goethe và Lessing mô tả kiến trúc là “âm nhạc đông cứng lại” cho ta manh mối về âm nhạc và kiến trúc.

Mọi hình thức nghệ thuật chân chính đều dẫn dắt tâm thức con người lĩnh hội được những giá trị trong cuộc sống mà Chơn thần vốn biết trên cõi Bồ đề. Cho đến nay, ý thức nghệ thuật của loài người vẫn còn sơ cấp nhưng khi Tình huynh đệ tăng trưởng thì sẽ có nhiều nghệ thuật cảm nhận trong cuộc sống. Mặt khác, khi con người phát triển được ý thức nghệ thuật thì y càng có thêm khả năng ngộ ra được Tình huynh đệ.

Cuối cùng, khi ta đạt tới giới hạn tốt độ của nghệ thuật sáng tạo và bắt đầu cảm nhận được nơi mình những quyền năng và sự thực chứng thậm chí không biểu diễn được qua nghệ thuật cao siêu nhất thì lúc bấy giờ ta ắt biết được những hoạt động sáng tạo vốn đặc trưng cho Chơn thần trên cõi chân chính của mình là cõi của Ātmā (Niết bàn). Nhưng làm cách nào ta nối liền sự huy hoàng của cõi Niết bàn với cõi hồng trần liên kết thành một cõi Hành động duy nhất, đó chính là điều bí nhiệm của tương lai.

Việc hiểu rõ được cơ tiến hóa của tâm thức chính là việc giải được bài toán bí mật về bản chất của Thượng Đế. Thế nhưng bởi vì mọi sự sống đều là NGÀI và vì chúng ta đều là những mảnh vụn của NGÀI cho nên việc ta tăng trưởng về tâm thức ắt vừa là khám phá ra NGÀI vừa là tiến lên bắt chước giống như NGÀI. Thế mà khi ta khám phá ra NGÀI thì thật ra ta chỉ khám phá ra chính mình. Đây là điều bí nhiệm của tâm thức; bộ phận chính là Tổng thể. Nhưng biết điều đó trên lý thuyết là một chuyện, còn thực chứng sự *tự tại* ấy lại là một chuyện khác. Ta chỉ có thể là Tổng thể khi ta hành động trên cương vị là Tổng thể nghĩa là ta phải hiến thân trọn vẹn và tự nguyện cho mọi thứ trong phạm vi tồn tại bé nhỏ của mình cũng giống như đấng Tổng thể đã hiến thân cho mọi sinh linh trong phạm vi rộng lớn Tự tại của NGÀI. Dường như không thể tin được rằng ta lại có thể bắt chước được đấng Tổng thể ấy. Thế nhưng quả thật chính vì đó là số phận của ta mà NGÀI đã biệt phái ta tách rời khỏi NGÀI để sống cuộc đời riêng của mình. Bằng chứng cho tất cả những gì xuất phát từ NGÀI rồi lại hữu ý trở về NGÀI, đó chính là cuộc sống duy nhất đáng sống vì đã gia nhập vào sự Hi sinh đòi hỏi của NGÀI.